

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Đặng Văn Hậu**

2/ Ông **Nguyễn Văn Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 380/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu Th**, sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: số 5, khu A, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Thành V**, sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19/9/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà ông V thành hôn vào năm 1997, trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, bà bị ông V đánh đập, chém trọng thương, cuộc sống không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ năm 2005 đến nay. Nay không có khả năng hàn gắn được, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn (chấm dứt quan hệ hôn nhân) với ông V.

- Về con chung: Có 02 con chung cháu Lê Thị Tuyền Q, sinh ngày 28/10/1998 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp cấp dưỡng, không yêu cầu giải quyết. Cháu Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 12/6/2002 hiện đang sống chung với bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/10/2019, các đương sự thống nhất: Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông V thành hôn nhưng không đăng ký kết hôn, thống nhất chấm dứt quan hệ vợ chồng. Về con chung: Cháu Lê Thị Tuyền Q, sinh ngày 28/10/1998 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp cấp dưỡng, bà Th và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 12/6/2002 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 28/10/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu chấm dứt quan hệ vợ chồng với ông V, con chung xin được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là 08 tháng là 8.000.000đ, yêu cầu cấp dưỡng một lần. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày: Ông đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà Th. Con chung ông đồng ý giao bà Th tiếp tục nuôi con chung, ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày hòa giải (ngày 28/10/2019) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết về ly hôn với ông Lê Thành V cư trú tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu Th và ông Lê Thành V chung sống như vợ chồng từ năm 1997 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ

quan nhà nước có thẩm quyền như lời trình bày của bà Th và ông V là phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tn, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long ngày 20/9/2019 và xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long ngày 24/9/2019 nên việc kết hôn của bà Th và ông V không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo tại Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không công nhận mối quan hệ giữa bà Th và ông V là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung Lê Thị Tuyền Q, sinh ngày 28/10/1998 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp cấp dưỡng, bà Th và ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 12/6/2002 hiện đang sống trực tiếp với bà Th, cuộc sống cũng đảm bảo, cháu T có nguyện vọng sống chung với bà Th. Bà Th yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, ông V đồng ý giao con chung cho bà Th nuôi dưỡng. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Xét về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Th yêu cầu ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng, ông V đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, các đương sự thỏa thuận thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 28/10/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Nên ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Th và ông Viên về mức cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà Th yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con một lần là không có cơ sở chấp nhận. Bởi ông V không có nghề nghiệp ổn định, công việc không thường xuyên, không khả năng để cấp dưỡng một lần. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung tên Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 12/6/2002 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 28/10/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu Th và ông Lê Thành V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê Thành V phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 6, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9,14, 16, 58, 81, 82 và Điều 83 của của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận mối quan hệ giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th và bị đơn ông Lê Thành V là vợ chồng.

2. Về con chung:

Cháu Lê Thị Tuyền Q, sinh ngày 28/10/1998 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp cấp dưỡng, bà Th và ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Giao con chung tên Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 12/6/2002 cho bà Nguyễn Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Thành V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 28/10/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày tiếp theo của xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Bà Nguyễn Thị Thu Th và ông Lê Thành V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu Th nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0015667 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Bà Nguyễn Thị Thu Th đã nộp đủ tiền án phí.

Buộc ông Lê Thành V nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An